

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2707/UBND-NN
V/v đăng ký danh mục công trình,
dự án sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn
huyện Cầu Ngang

Cầu Ngang, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BTNMT ngày 07/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực văn bản hợp nhất: Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 1525/UBND-NN ngày 19/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

Việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là nội dung rất quan trọng và cần thiết để làm căn cứ, cơ sở pháp lý thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai theo quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang đề nghị các Sở, Ban ngành tỉnh, thủ trưởng các phòng, ban ngành huyện, các đơn vị, tổ chức đóng trên địa bàn huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đăng ký danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất năm 2023 (theo Biểu nhu cầu sử dụng đất đính kèm) gửi về Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện), **thời gian chậm nhất đến ngày 10/8/2022.**

Đối với các đơn vị, địa phương có đăng ký công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cầu Ngang, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 đến nay phải rà soát, báo cáo tiến độ thực hiện (theo cột ghi chú trong phụ lục 01 đính kèm).

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất năm 2023 đăng ký trực tiếp tại Trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn của huyện Cầu Ngang.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thông báo trên các phương tiện thông tin của địa phương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại địa phương.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổng hợp nhu cầu sử dụng đất năm 2023 và báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện.

Nếu quá thời gian quy định nêu trên, cơ quan, đơn vị nào không gửi đăng ký danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất thì xem như không có nhu cầu.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Ngang, điện thoại **0919.117.959** để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT. *Thang*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Thang*



Thang

Nguyễn Trường Giang

BIỂU NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẦU NGANG

Ngành (xã, thị trấn).....

(Kèm theo Công văn số:...../UBND-NN ngày/...../2022 của UBND huyện Cầu Ngang)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu sử dụng các loại đất			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng			Vị trí công trình (tờ bản đồ, thửa đất)	Địa điểm	Chủ đầu tư	
					Tổng cộng (ha)	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý				
						Đất trồng lúa	Đất trồng rừng						
A	Đăng ký Danh mục công trình, dự án cho năm 2023													



Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu sử dụng các loại đất			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng			Vị trí công trình (tờ bản đồ, thửa đất)	Địa điểm	Chủ đầu tư	
					Tổng cộng (ha)	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý				
						Đất trồng lúa	Đất trồng rừng						
B	Nhu cầu chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân													

Người lập biểu

....., ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ



Phụ lục 01: Danh mục công trình, dự án trong KHSDĐ năm 2022 huyện Cầu Ngang
(Kèm theo Công văn số:...../UBND-NN ngày/...../2022 của UBND huyện Cầu Ngang)

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh					
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh					
a	Đất quốc phòng					
(1)	Nhu cầu đất quốc phòng tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 2	37,00		37,00	Huyện Cầu Ngang	
(2)	Nhu cầu đất quốc phòng tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 3	2,32	1,39	0,93	Huyện Cầu Ngang	
(3)	Nhu cầu đất quốc phòng tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 6	0,40		0,40	Huyện Cầu Ngang	
(4)	Nhu cầu đất quốc phòng tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 7	0,50		0,50	Huyện Cầu Ngang	
b	Đất an ninh					
(1)	Nhu cầu đất an ninh tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 1	0,10		0,10	Huyện Cầu Ngang	
(2)	Nhu cầu đất an ninh tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 2	0,22		0,22	Huyện Cầu Ngang	
(3)	Nhu cầu đất an ninh tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 3	0,10		0,10	Huyện Cầu Ngang	
(4)	Nhu cầu đất an ninh tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 4	0,10		0,10	Huyện Cầu Ngang	
(5)	Nhu cầu đất an ninh tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 5	0,13		0,13	Huyện Cầu Ngang	
(6)	Nhu cầu đất an ninh tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 6	0,14		0,14	Huyện Cầu Ngang	
(7)	Nhu cầu đất an ninh tại huyện Cầu Ngang - Vị trí 7	0,10		0,10	Huyện Cầu Ngang	
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng					
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất					
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất					
a	Đất cụm công nghiệp					
(1)	Cụm công nghiệp Long Sơn	40,00		40,00	Xã Long Sơn	
2	Các công trình, dự án còn lại					



STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất					
2.1.1	Công trình cấp tỉnh					
a	Đất giao thông					
(1)	Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh	13,34	6,91	6,43	Xã Vinh Kim, Mỹ Long Nam, xã Mỹ Long Bắc, TT Mỹ Long	
(2)	Đường kết nối cầu Chong Văng - Quốc lộ 54, huyện Cầu Ngang, Châu Thành	2,26		2,26	Xã Trường Thọ	
(3)	Xây dựng Đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	42,42	17,87	24,55	Xã Mỹ Long Nam	
(4)	Tuyến đường từ nút giao Đường tỉnh 914 - Tuyến số 2 xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải đến ngã ba xã Long Sơn (Quốc lộ 53), huyện Cầu Ngang	12,70	4,49	8,21	Xã Thạnh Hoà Sơn, xã Long Sơn	
b	Đất thủy lợi					
(1)	Kè chống sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (đoạn còn lại)	1,79		1,79	TT.Cầu Ngang	
(2)	Trạm bơm điện - kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Nhị Trường	0,03		0,03	Xã Nhị Trường	
(3)	Di dân khẩn cấp vùng sạt lở TT.CầuNgang và xã Thuận Hòa (giai đoạn 2)	0,70		0,70	TT.Cầu Ngang	
(4)	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên khu vực xã Vinh Kim	7,03		7,03	Xã Vinh Kim	
(5)	Đầu tư xây dựng 34 cống nội đồng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (huyện Cầu Ngang có 9 cống)				Xã Hiệp Hòa, xã Kim Hòa	
-	Cống Kênh TN3	0,06		0,06	Xã Hiệp Hòa	
-	Cống Kênh TN4	0,15		0,15	Xã Hiệp Hòa	
-	Cống Kênh TN5	0,13		0,13	Xã Hiệp Hòa	
-	Cống Kênh V22	0,20		0,20	Xã Hiệp Hòa	
-	Cống Kênh V23	0,18		0,18	Xã Hiệp Hòa	
-	Cống Kim Hòa	0,14		0,14	Xã Kim Hòa	
-	Cống Kênh Nội	0,18		0,18	Xã Kim Hòa	
-	Cống Kênh Chìm	0,19		0,19	Xã Kim Hòa	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
-	Cổng Kênh Ba Khiển	0,24		0,24	Xã Kim Hòa	
(6)	Nạo vét 18 tuyến kênh phục vụ sản xuất	1,50		1,50	Xã Thanh Hòa Sơn, Long Sơn, Thuận Hòa	
2.1.2	Công trình, dự án cấp huyện					
<i>a</i>	Đất giao thông					
(1)	Dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang	21,45	15,33	6,12	TT.Cầu Ngang	
(2)	Hạ tầng phát triển du lịch cụm xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang	10,35		10,35	xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long	
(3)	Mở rộng Tỉnh lộ 912 (khoảng 1 km)	1,66	1,46	0,20	TT.Mỹ Long	
(4)	Mở mới đường Mỹ Hòa - Hương Lộ 17 (Từ đường Mỹ Hòa đến Hương Lộ 17)	1,82		1,82	Xã Hiệp Hòa	
(5)	Đường NT1 (nối tiếp đường Tân Hiệp)	0,59		0,59	Xã Kim Hòa	
(6)	Đường đaml kênh cấp II (dài: 690m, rộng 2,5m)	1,73		1,73	Xã Vinh Kim	
(7)	Đường đaml Cà Tum B (Tập Đoàn 13) (dài: 550m, rộng: 2,5m)	0,14		0,14	Xã Vinh Kim	
(8)	Đường từ trạm y tế Mỹ Hòa đến nhà Hai Tuần gần chùa (dài 1200m, rộng 3m)	0,36		0,36	Xã Mỹ Hòa	
(9)	Đường đaml cấp kênh cấp II	0,21		0,21	Xã Mỹ Long Nam	
(10)	Đường đaml từ chợ xã - Ven 1 Bờ kinh 2 nối tiếp	0,42	0,24	0,18	Xã Mỹ Hòa	
(11)	Đường đaml từ nhà Út Khởi đến nhà Trần Công Bình	0,32	0,27	0,05	Xã Mỹ Hòa	
(12)	Đường đaml từ nhà ông Nguyễn Văn Thù đến cầu Xóm Chòi	0,18	0,15	0,03	Xã Mỹ Hòa	
(13)	Đường nhựa Ba So - Giồng Thành	0,80	0,64	0,16	Xã Nhị Trường	
(14)	Đường nhựa ấp Là Ca B	0,74		0,74	Xã Nhị Trường	
(15)	Đường GTNT ấp Nô Lự A	0,21		0,21	Xã Nhị Trường	
(16)	Đường nhựa ấp Bông Ven	0,64	0,36	0,28	Xã Nhị Trường	
(17)	Đường nhựa ấp Nô Lự B	0,50	0,27	0,23	Xã Nhị Trường	
(18)	Đường nhựa ấp Tựa	0,28	0,06	0,22	Xã Nhị Trường	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
(19)	Đường nhựa ấp Chông Bát	0,38	0,23	0,15	Xã Nhị Trường	
(20)	Mở rộng đường ấp Sóc Mới - ấp Tựa	0,26	0,20	0,06	Xã Long Sơn	
(21)	Đường đaml tuyến trục chính nội đồng	0,05		0,05	Xã Mỹ Long Bắc	
(22)	Nâng cấp mở rộng đường đaml ấp Giữa - Kim Câu	0,50	0,40	0,10	Xã Kim Hòa	
(23)	Đường đaml Hương lộ 35 - kênh T4	0,56		0,56	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(24)	Đường giao thông liên xã Mỹ Hòa - Mỹ Long Bắc - thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang	6,30	1,85	4,45	Xã Mỹ Hòa, Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long	
(25)	Đường giao thông liên xã Nhị Trường - Trường Thọ huyện Cầu Ngang	5,25	5,25		Xã Nhị Trường, Xã Trường Thọ	
(26)	Đường cạp chùa Cos Xoài	0,50		0,50	Xã Trường Thọ	
(27)	Đường nhựa kênh 1 nối tiếp	0,30		0,30	Xã Trường Thọ	
(28)	Đường nhựa nhà ông Dương Văn Phai	0,25		0,25	Xã Trường Thọ	
(29)	Dường nhựa từ kênh 6 đến giáp xã Đa Lộc	0,40		0,40	Xã Trường Thọ	
(30)	Đường nhựa	2,62		2,62	Xã Vinh Kim	
(31)	Bến xe huyện Cầu Ngang	0,32		0,32	Xã Thuận Hòa	
b	Đất thủy lợi					
(1)	Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Kim Hòa - Vinh Kim, huyện Cầu Ngang	1,73	1,73		Xã Kim Hòa, Xã Vinh Kim	
c	Đất xây dựng cơ sở văn hóa					
(1)	Xây dựng trung tâm sinh hoạt Thanh thiếu niên huyện Cầu Ngang	1,70		1,70	Xã Mỹ Hòa	
(2)	Quảng trường huyện Cầu Ngang	0,42		0,42	TT.Cầu Ngang	
(3)	Xây dựng 2 phòng chức năng nhà văn hóa xã	0,10		0,10	Xã Trường Thọ	
d	Đất xây dựng cơ sở y tế					
(1)	Trạm y tế thị trấn Cầu Ngang	0,02		0,02	TT.Cầu Ngang	
e	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo					
(1)	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Dương Quang Đông, huyện Cầu Ngang	1,25	1,25		TT.Cầu Ngang	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
(2)	Trường THCS xã Hiệp Mỹ Tây	0,70		0,70	Xã Hiệp Mỹ tây	
(3)	Mở rộng trường TH Vinh Kim A (điểm Vinh Kim C)	0,12	0,07	0,05	Xã Vinh Kim	
(4)	Trường TH Kim Hòa B	0,44		0,44	Xã Kim Hòa	
(5)	Mở rộng trường MG Tuổi Thơ	0,37	0,27	0,10	Xã Vinh Kim	
(6)	Mở rộng trường MG Hiệp Hòa	0,32	0,12	0,20	Xã Hiệp Hòa	
(7)	Trường MG Nhị Trường	0,30		0,30	Xã Nhị Trường	
(8)	Xây dựng mới Trường TH Trường Thọ B	0,51		0,51	Xã Trường Thọ	
f	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao					
(1)	Xây dựng mới sân vận động xã Kim Hòa	1,40		1,40	Xã Kim Hòa	
(2)	Xây dựng mới sân vận động thị trấn Mỹ Long	1,03		1,03	TT.Mỹ Long	
(3)	Xây dựng mới sân vận động xã Hiệp Mỹ Đông	1,20		1,20	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(4)	Xây dựng mới sân vận động xã Hiệp Mỹ Tây	1,20		1,20	Xã Hiệp Mỹ Tây	
(5)	Xây dựng mới sân vận động xã Nhị Trường	1,97		1,97	Xã Nhị Trường	
(6)	Xây dựng mới sân vận động xã Thuận Hòa	0,88		0,88	Xã Thuận Hòa	
(7)	Xây dựng mới sân vận động xã Trường Thọ	1,20		1,20	Xã Trường Thọ	
(8)	Mở rộng sân vận động xã Vinh Kim	1,30	0,67	0,63	Xã Vinh Kim	
g	Đất công trình năng lượng					
(1)	Cải tạo nâng tiết diện dây phân pha từ ACSR240 thành 2 ACSR240 từ Trà Vinh đi Duyên Hải (Duyên Trà)	0,28		0,28	Huyện Cầu Ngang	
(2)	Đường dây 110KV của nhà máy điện gió Hiệp Thành	0,70	0,70		Xã Mỹ Long Nam, xã Hiệp Mỹ Đông, xã Hiệp Mỹ Tây, xã Long Sơn	
h	Đất cơ sở tôn giáo					
(1)	Mở rộng chùa Bông Ven	0,30		0,30	Xã Nhị Trường	
j	Đất sinh hoạt cộng đồng					
(1)	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Già Trê	0,25		0,25	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(2)	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái	0,25		0,25	Xã Hiệp Mỹ Đông	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Già					
(3)	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Già	0,25		0,25	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(4)	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Rạch	0,25		0,25	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(5)	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Khúc Ngay	0,25		0,25	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(6)	NVH ấp Là Ca A	0,02		0,02	Xã Nhị Trường	
(7)	NVH ấp Là Ca B	0,02		0,02	Xã Nhị Trường	
(8)	NVH ấp Chông Bát	0,02		0,02	Xã Nhị Trường	
(9)	NVH ấp Nô Lụa B	0,02		0,02	Xã Nhị Trường	
(10)	NVH ấp Giồng Thành	0,02		0,02	Xã Nhị Trường	
(11)	NVH ấp Ba So	0,02		0,02	Xã Nhị Trường	
(12)	Nâng cấp cải tạo NVH khóm Minh Thuận A	0,01		0,01	TT.Cầu Ngang	
(13)	Nâng cấp cải tạo NVH khóm Mỹ Cẩm A	0,01	0,01		TT.Cầu Ngang	
(14)	Nâng cấp cải tạo NVH khóm Minh Thuận B	0,01	0,01		TT.Cầu Ngang	
(15)	Trung tâm văn hóa Cộng đồng ấp Sóc Giúp	0,30		0,30	Xã Long Sơn	
(16)	Trung tâm văn hóa Cộng đồng ấp Tân Lập	0,05		0,05	Xã Long Sơn	
k	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng					
(1)	Khu vui chơi cho người già và trẻ em	0,25		0,25	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(2)	Khu vui chơi cho người già và trẻ em	0,25		0,25	Xã Nhị Trường	
(3)	Khu vui chơi cho người già và trẻ em	0,60		0,60	Xã Trường Thọ	
(4)	Khu vui chơi cho người già và trẻ em	0,08		0,08	Xã Nhị Trường	
l	Đất ở tại nông thôn					
(1)	Khu dân cư Thuận Hòa	9,41		9,41	Xã Thuận Hòa	
(2)	Khu dân cư thương mại Hiệp Mỹ Tây	9,50		9,50	Xã Hiệp Mỹ Tây	
m	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
(1)	Khu hành chính mới huyện Cầu Ngang (diện tích: 6,11 ha)	6,11		6,11	TT.Cầu Ngang; xã Mỹ Hòa	
(2)	Chi cục thuế khu vực Cầu Ngang – Trà Cú (giao đất)	0,30	0,30		TT. Cầu Ngang	
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất					

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a	Đất thương mại dịch vụ					
(1)	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thu Sang	0,05		0,05	Xã Hiệp Hòa	
(2)	Cửa hàng xăng dầu số 2 (Công ty TNHH Global Greentech)	0,10		0,10	Xã Hiệp Mỹ Tây	
(3)	Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Gia 2	0,10		0,10	Xã Hiệp Mỹ Tây	
(4)	CHXD Thanh Hoàng của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển chợ Thanh Hoàng (Cửa hàng xăng dầu Mỹ Hòa)	0,05		0,05	Xã Mỹ Hòa	
(5)	CHXD Quốc Cường của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bảy Quốc	0,10		0,10	Xã Mỹ Hòa	
(6)	CHXD Hiệp Mỹ của Công ty TNHH xăng dầu petro Phước Toàn	0,17		0,17	Xã Hiệp Mỹ Tây	
(7)	Cửa hàng xăng dầu Tài Tiến của Doanh nghiệp tư nhân Tài Tiến Tiểu Cần	0,30		0,30	Xã Hiệp Hòa	
(8)	HXD Trường Thọ của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Ngọc Như	0,17		0,17	Xã Trường Thọ	
(9)	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	0,12		0,12	Xã Mỹ Long Bắc	
(10)	Cửa hàng xăng dầu Nhị Trường	0,26		0,26	Xã Nhị Trường	
(11)	Giao đất có thu tiền sử dụng đất (cửa hàng xăng dầu)	0,0024		0,0024	Xã Hiệp Mỹ tây	
b	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
(1)	Khu liên hợp sản xuất, chế biến, thực nghiệm trồng trọt của Công ty cổ phần Tân Tân Trà Vinh (thuê đất)	7,86		7,86	Xã Mỹ Long Bắc	
(2)	Trạm cấp nước xã Hiệp Mỹ Đông	0,02		0,02	Xã Hiệp Mỹ Đông	
(3)	Trạm cấp nước xã Trường Thọ	0,05	0,02	0,03	Xã Trường Thọ	
(4)	Trạm cấp nước xã Long Sơn	0,25		0,25	Xã Long Sơn	
(5)	Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh (cập nhật hiện trạng)	0,02	0,02		TT.Cầu Ngang	
(6)	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hiệp Hòa	0,20		0,20	Xã Hiệp Hòa	
(7)	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch Thuận Hòa	0,14		0,14	Xã Thuận Hòa	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Đã thực hiện; Chưa thực hiện)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>c</i>	Đất công trình bưu chính viễn thông					
(1)	Bưu điện tỉnh Trà Vinh (cập nhật vị trí, mục đích sử dụng đất)	0,41		0,41	Huyện Cầu Ngang	
<i>d</i>	Đất ở tại nông thôn					
(1)	Nhu cầu đất ở	5,95		5,95	13 xã	
<i>e</i>	Đất ở tại đô thị					
(1)	Nhu cầu đất ở	3,04		3,04	TT.Cầu Ngang; TT.Mỹ Long	
<i>f</i>	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp					
(1)	Xây dựng Nhà lưu trữ hồ sơ địa chính và làm việc cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cầu Ngang (chuyển mục đích SDD)	0,08		0,08	TT.Cầu Ngang	
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác					
(1)	Dự án đầu tư Nuôi sò thương phẩm, khai thác Sò cám và kết hợp du lịch sau thu hoạch	67,73	67,73		Xã Mỹ Long Nam	
(2)	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác (165,5 ha), đất kết hợp nuôi thủy sản (49 ha), đất chuyên nuôi trồng thủy sản (20 ha)	234,50	234,50		Huyện Cầu Ngang	

